

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm: để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư; tăng quy mô vốn hoạt động; cơ cấu lại nguồn vốn của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp không được phát hành trái phiếu để góp vốn dưới mọi hình thức, mua cổ phần, mua trái phiếu của doanh nghiệp khác, hoặc cho doanh nghiệp khác vay vốn. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phải đảm bảo chỉ được sử dụng cho chính doanh nghiệp phát hành, đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.”

2. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 8 như sau:

“d) Trước khi thực hiện giao dịch mua/bán trái phiếu, nhà đầu tư phải được xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.”

3. Bổ sung điểm a1 khoản 3 Điều 8 như sau:

“a1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu không đúng mục đích tại phương án phát hành trái phiếu hoặc cam kết với nhà đầu tư thì nhà đầu tư yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu mua lại trái phiếu trước hạn.”

4. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ báo cáo kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho doanh nghiệp phát hành, đồng thời đăng lên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán.”

5. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 12 như sau:

“c) Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm:

- Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu, trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán;

- Hợp đồng ký kết với tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu phù hợp với phương thức phát hành trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị định này, ngoại trừ trường hợp tổ chức tín dụng bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu;

- Hợp đồng ký kết với tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu, trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán;

- Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán. Đại diện người sở hữu trái phiếu có trách nhiệm giám sát việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu, nhận và quản lý tài sản đảm bảo, giám sát việc thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật chứng khoán;

- Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);

- Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).”

6. Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 12 như sau:

"đ) Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và trái phiếu phát hành trong trường hợp phát hành trái phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, phát hành trái phiếu không có tài sản bảo đảm, không có bảo lãnh thanh toán, doanh nghiệp phát hành có kết quả kinh doanh của năm liền trước năm phát hành lỗ hoặc có lỗ lũy kế tính đến năm phát hành;"

7. Bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

"5. Bộ Tài chính hướng dẫn các hoạt động tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và đăng ký, lưu ký trái phiếu chào bán riêng lẻ."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Đăng ký, lưu ký trái phiếu

1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu trong thời hạn sau:

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

b) 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

2. Tại một thời điểm, mỗi mã trái phiếu doanh nghiệp chỉ được đăng ký, lưu ký tại một tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu. Trường hợp trái phiếu được đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì trái phiếu được lưu ký tại thành viên lưu ký và thành viên lưu ký tái lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Trái phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 16, Điều 16a, Điều 16b và Điều 16c Nghị định này phải đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“1. Trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ chỉ được giao dịch giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

1a. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ có xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14. Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền chỉ được phép giao dịch giữa các nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

3. Khi thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 1a và khoản 2 Điều này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức hệ thống giao dịch và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này phù hợp với sự phát triển của thị trường.

5. Thành viên giao dịch trên hệ thống trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch thông thường và thành viên giao dịch đặc biệt.

a) Thành viên giao dịch thông thường là công ty chứng khoán được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận là thành viên giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng thương mại được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận là thành viên giao dịch đặc biệt. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).”

10. Bổ sung Điều 16a như sau:

“Điều 16a. Trái phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán

1. Trái phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Trái phiếu chào bán riêng lẻ của công ty đại chúng.

b) Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ của công ty không phải công ty đại chúng đáp ứng các điều kiện:

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm giao dịch trên hệ thống từ 30 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;

- Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh của năm liền kề trước năm giao dịch trên hệ thống phải có lãi và không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, vốn điều lệ và kết quả kinh doanh được xác định trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, vốn điều lệ và kết quả

kinh doanh được xác định trên báo cáo tài chính tổng hợp;

- Trái phiếu có tài sản đảm bảo hoặc bảo đảm thanh toán toàn bộ gốc, lãi khi đến hạn.

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu đáp ứng các điều kiện đăng ký giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này phải đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu.”

11. Bổ sung Điều 16b như sau:

“Điều 16b. Hồ sơ, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

c) Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);

d) Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có);

đ) Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền;

e) Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

f) Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

g) Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc loại trừ.

Báo cáo tài chính phải được lập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, doanh nghiệp phải nộp 02 báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ. Trường hợp doanh nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, doanh nghiệp phải nộp báo cáo tài chính tổng hợp. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp phát hành phải nộp bổ sung hồ sơ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán.

2. Tổ chức phát hành gửi hồ sơ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 1 Điều này cho Sở giao dịch chứng khoán bằng hình thức điện tử theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc chấp thuận trái phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng

lê tại Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức phát hành có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

12. Bổ sung Điều 16c như sau:

“ Điều 16c. Thay đổi, hủy bỏ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán

1. Thay đổi đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán

a) Trái phiếu giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của doanh nghiệp bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục giao dịch kể từ ngày hoàn thành hợp nhất, sáp nhập. Doanh nghiệp hình thành sau hợp nhất, sáp nhập kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty bị hợp nhất, sáp nhập theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập.

b) Trường hợp tổ chức phát hành của trái phiếu thực hiện chia, tách doanh nghiệp, trái phiếu bị hủy giao dịch bắt buộc.

2. Trái phiếu bị hủy bỏ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc trái phiếu giao dịch trên hệ thống được tổ chức phát hành mua lại một phần hoặc mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn;

b) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

c) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị lỗ 3 năm liên tiếp hoặc bị âm vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính được kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét;

d) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có vi phạm nghiêm trọng hoặc có tính hệ thống về việc công bố thông tin với Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

e) Sở giao dịch chứng khoán phát hiện tổ chức phát hành giả mạo hồ sơ giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

f) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị xử lý vi phạm về các hành vi bị cấm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 Điều 12 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH19;

g) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản, do tổ chức lại thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

h) Doanh nghiệp phát hành ngừng hoặc bị ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ 01 năm trở lên; bị đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động đối với ngành nghề hoặc hoạt động doanh chính và các trường hợp khác mà Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy giao dịch, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

13. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp

1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin chính xác, đầy đủ theo quy định cho Sở giao dịch chứng khoán.

a) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về quy trình hạch

toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

c) Việc doanh nghiệp gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 32 Nghị định này, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, tối thiểu 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này."

14. Sửa đổi Điều 20 như sau:

"1. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1a. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 và khoản 1a Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này."

15. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:

"1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán.

a) Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.

b) Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm."

15. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 23 như sau:

"1. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.

2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

a) Tối thiểu 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương

án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.”

16. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 26 như sau:

“c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

17. Sửa đổi khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

18. Sửa đổi Khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi thông tin về kết quả chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

19. Sửa đổi khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

a) Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.

b) Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.”

20. Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 32 như sau

“đ) Các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư.”

21. Bổ sung khoản 2a Điều 34 như sau:

“Doanh nghiệp phát hành cam kết mua lại trái phiếu trước hạn khi: doanh nghiệp phát hành thay đổi mục đích sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu; doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp; doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo điều kiện, điều khoản của phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt.

2. Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin và đăng ký, lưu ký theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thángnăm 2021.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị, Hội

đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Văn phòng Tổng bí thư,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính,
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu: Văn thư, KTTH (b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính